

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc ban hành Quy định chuẩn đầu ra trình độ công nghệ thông tin  
đối với sinh viên tốt nghiệp đại học tại Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải

**HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ nghị định số 99/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung của một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐT ngày 26 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải;

Căn cứ Công văn số 2274/BTTTT-CNTT ngày 13 tháng 7 năm 2018 về việc cập nhật danh sách ngành đào tạo đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo đại học hiện hành của Trường;

Căn cứ đề xuất của Hội đồng Khoa học- Đào tạo của Trường;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo, Giám đốc TTCNTT-TV.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chuẩn đầu ra trình độ công nghệ thông tin đối với sinh viên tốt nghiệp đại học tại Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những quy định trước đây, trái với Quy định này đều bị bãi bỏ.

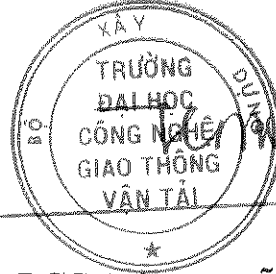


**Điều 3.** Trưởng phòng Đào tạo, trưởng các khoa, viện, trung tâm, trưởng các bộ môn và các đơn vị có liên quan, giảng viên, sinh viên của Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3 (để t/h);
- Các PHT (để c/d);
- Lưu VT, ĐT, TTCNTT-TV.

**HIỆU TRƯỞNG**



**PGS. TS. Nguyễn Hoàng Long**

## QUY ĐỊNH

**Chuẩn đầu ra trình độ công nghệ thông tin đối với sinh viên  
tốt nghiệp đại học tại Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 6868 /QĐ-ĐHCNGTVT ngày 05 tháng 9 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải)

---

### **Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

Văn bản này quy định trình độ công nghệ thông tin tối thiểu mà sinh viên cần phải đạt được trước khi tốt nghiệp ra trường;

Quy định này được áp dụng đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải.

### **Điều 2. Chuẩn đầu ra trình độ công nghệ thông tin**

1. Chuẩn đầu ra trình độ công nghệ thông tin của sinh viên Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải là yêu cầu tối thiểu về khả năng sử dụng công nghệ thông tin của sinh viên trong học tập và làm việc, được Nhà trường cam kết với người học, xã hội và công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo chất lượng khác.

2. Chuẩn đầu ra trình độ công nghệ thông tin là điều kiện bắt buộc để xét công nhận tốt nghiệp đối với sinh viên đại học không chuyên về công nghệ thông tin của Trường. Đến thời điểm xét tốt nghiệp, nếu sinh viên chưa đạt chuẩn đầu ra trình độ công nghệ thông tin sẽ không đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra trình độ công nghệ thông tin đối với sinh viên tốt nghiệp đại học tại Trường được xây dựng dựa trên cơ sở Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và truyền thông, gồm 06 mô đun kỹ năng sau đây:

- Mô đun kỹ năng 01: Hiểu biết về CNTT cơ bản
- Mô đun kỹ năng 02: Sử dụng máy tính cơ bản
- Mô đun kỹ năng 03: Xử lý văn bản cơ bản
- Mô đun kỹ năng 04: Sử dụng bảng tính cơ bản
- Mô đun kỹ năng 05: Sử dụng trình chiếu cơ bản
- Mô đun kỹ năng 06: Sử dụng Internet cơ bản

### **Điều 3. Các trường hợp được công nhận đạt chuẩn đầu ra trình độ công nghệ thông tin**

1. Sinh viên đã có bằng tốt nghiệp trung cấp các ngành công nghệ thông tin, tin học văn phòng;
2. Sinh viên đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng các ngành như Phụ lục 01 đính kèm công văn số 2274/BTTTT-CNTT ngày 13 tháng 7 năm 2018 về việc cập nhật danh sách ngành đào tạo đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông (xem Phụ lục 01, Quy định này);
3. Sinh viên đã hoàn thành chương trình đào tạo đại học các ngành như Phụ lục 02 đính kèm công văn số 2274/BTTTT-CNTT ngày 13 tháng 7 năm 2018 về việc cập nhật danh sách ngành đào tạo đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông (xem Phụ lục 02, Quy định này);
4. Sinh viên có chứng chỉ tin học quốc tế được tham chiếu tương đương với chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và nâng cao, theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông như: IC3 (Digital Literacy Certification) hoặc MOS (Microsoft Office Specialist) - 03 mô đun;
5. Sinh viên có chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (hoặc nâng cao) do các đơn vị được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt tổ chức thi, cấp chứng chỉ.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

Phòng Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn và triển khai thực hiện Quy định này đến cán bộ, giảng viên và sinh viên của Trường.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề chưa phù hợp, các đơn vị đề xuất với Nhà trường (qua phòng Đào tạo) để bổ sung, chỉnh sửa cho phù hợp. /

**HIỆU TRƯỞNG**



**PGS. TS. Nguyễn Hoàng Long**

**Phụ lục 01**

**Danh sách các ngành đào tạo cao đẳng đáp ứng các yêu cầu của Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT**  
(Theo Phụ lục 01 Công văn số 2274/BTTTT-CNTT ngày 13/7/2018 của Bộ Thông tin và truyền thông)

| STT | Ngành đào tạo trình độ cao đẳng         |
|-----|-----------------------------------------|
| 1   | An ninh mạng                            |
| 2   | Công nghệ kỹ thuật máy tính             |
| 3   | Công nghệ thông tin                     |
| 4   | Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) |
| 5   | Công nghệ truyền thông                  |
| 6   | Hệ thống thông tin                      |
| 7   | Hệ thống thông tin quản lý              |
| 8   | Khoa học máy tính                       |
| 9   | Lập trình máy tính                      |
| 10  | Quản trị cơ sở dữ liệu                  |
| 11  | Quản trị mạng máy tính                  |
| 12  | Sư phạm tin học                         |
| 13  | Thiết kế trang Web                      |
| 14  | Thương mại điện tử                      |
| 15  | Tin học ứng dụng                        |
| 16  | Tin học văn phòng                       |
| 17  | Tin học viễn thông ứng dụng             |
| 18  | Truyền thông đa phương tiện             |
| 19  | Truyền thông và mạng máy tính           |
| 20  | Xử lý dữ liệu                           |

**Phụ lục 02**

**Danh sách các ngành đào tạo đại học đáp ứng các yêu cầu của Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT**

*(Theo Phụ lục 02 Công văn số 2274/BTTTT-CNTT ngày 13/7/2018 của Bộ Thông tin và truyền thông)*

| STT | Ngành đào tạo trình độ đại học          |
|-----|-----------------------------------------|
| 1   | An toàn thông tin                       |
| 2   | Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông |
| 3   | Công nghệ kỹ thuật máy tính             |
| 4   | Công nghệ thông tin                     |
| 5   | Công nghệ truyền thông                  |
| 6   | Hệ thống thông tin                      |
| 7   | Hệ thống thông tin quản lý              |
| 8   | Khoa học máy tính                       |
| 9   | Kỹ thuật máy tính                       |
| 10  | Kỹ thuật phần mềm                       |
| 11  | Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu   |
| 12  | Sư phạm Tin học                         |
| 13  | Thương mại điện tử                      |
| 14  | Toán tin                                |
| 15  | Toán ứng dụng                           |
| 16  | Truyền thông đa phương tiện             |
| 17  | Truyền thông mạng máy tính              |

